

Từ vựng Tiếng Anh 6 Global Success – Unit 1 đến Unit 6

Bảng từ vựng trọng tâm Tiếng Anh 6 sách Global Success học kỳ I, chia theo từng Unit, có từ loại và nghĩa tiếng Việt, kèm gợi ý cách học.

Từ loại: *n* = danh từ, *v* = động từ, *adj* = tính từ

Unit 1 – My New School

school bag	<i>n</i>	cặp sách
uniform	<i>n</i>	đồng phục
calculator	<i>n</i>	máy tính cầm tay
compass	<i>n</i>	com-pa
pencil sharpener	<i>n</i>	gọt bút chì
classmate	<i>n</i>	bạn cùng lớp
homework	<i>n</i>	bài tập về nhà
knock	<i>v</i>	gõ (cửa)

Unit 2 – My House

living room	<i>n</i>	phòng khách
kitchen	<i>n</i>	nha bếp
apartment	<i>n</i>	căn hộ
town house	<i>n</i>	nhà phố
country house	<i>n</i>	nhà ở nông thôn
fridge	<i>n</i>	tủ lạnh
wardrobe	<i>n</i>	tủ quần áo
chest of drawers	<i>n</i>	tủ ngăn kéo

Unit 3 – My Friends

friendly	<i>adj</i>	thân thiện
kind	<i>adj</i>	tốt bụng
clever	<i>adj</i>	thông minh
creative	<i>adj</i>	sáng tạo
funny	<i>adj</i>	hài hước
confident	<i>adj</i>	tự tin
hard-working	<i>adj</i>	chăm chỉ
curious	<i>adj</i>	tò mò

Unit 4 – My Neighbourhood

neighbourhood	<i>n</i>	khu phố, hàng xóm
cathedral	<i>n</i>	nhà thờ lớn
temple	<i>n</i>	đền, chùa
railway station	<i>n</i>	ga tàu hỏa
square	<i>n</i>	quảng trường
crowded	<i>adj</i>	đông đúc
peaceful	<i>adj</i>	yên bình
convenient	<i>adj</i>	tiện lợi

Unit 5 – Natural Wonders of Viet Nam

island	<i>n</i>	hòn đảo
waterfall	<i>n</i>	thác nước
cave	<i>n</i>	hang động

Unit 6 – Our Tet Holiday

celebrate	<i>v</i>	tổ chức, kỷ niệm
decorate	<i>v</i>	trang trí
firework	<i>n</i>	pháo hoa

desert	<i>n</i>	sa mạc
forest	<i>n</i>	rừng
backpack	<i>n</i>	ba lô
sun cream	<i>n</i>	kem chống nắng
sleeping bag	<i>n</i>	túi ngủ

lucky money	<i>n</i>	tiền lì xì
peach flower	<i>n</i>	hoa đào
apricot flower	<i>n</i>	hoa mai
wish	<i>n, v</i>	lời chúc; chúc
family gathering	<i>n</i>	sum họp gia đình

Gợi ý cách học từ vựng

- Mỗi ngày học **5 – 8 từ**, ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày và 7 ngày (lặp lại ngắt quãng).
- Đặt câu với từ mới về chính bản thân: *My school bag is blue.*
- Dán nhãn tiếng Anh lên đồ vật trong nhà (fridge, wardrobe...).
- Phụ huynh có thể đọc nghĩa tiếng Việt để con nói lại từ tiếng Anh và đánh vần.